

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **28/2021/HNGĐ.ST**

Ngày: **10/5/2021**

V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Hưng

2. Ông Bùi Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Bà Võ Thị Nhu- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-HN ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị K**; sinh năm: 1960. Địa chỉ: 189 khu vực A, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

Bị đơn: Ông **Bùi Văn S**; sinh năm: 1958. Địa chỉ: 189A khu vực A, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà và ông Bùi Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/1978 tại Ủy ban nhân dân xã Thường Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1997, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông S đi lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và có quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Do vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống các bên sau này.

- Về con chung: có 04 con chung là Bùi Hoàng A(nam) sinh ngày

02/10/1981; Bùi Thái N (nam) sinh 18/10/1983; Bùi Thị N1 (nữ) sinh ngày 26/02/1986 và Bùi Thị Tuyết Sương (nữ) sinh ngày 20/10/1991. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ*: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Văn S vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- **Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:**

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy: bà K và ông S có thời gian ly thân đã lâu; đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà K được ly hôn với ông S.

+ *Về con chung*: có 04 con chung, đã trưởng thành nên không giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ*: do ông S vắng mặt và hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị K và ông Bùi Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống có thời gian hạnh phúc và đã có 04 con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, giữa hai bên không có sự tin tưởng lẫn nhau, không còn quan tâm, chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau; lẽ ra, cả hai vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất yếu. Nay bà K yêu cầu ly hôn, còn ông S mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến hay thể hiện sự mong muốn hàn gắn đoàn tụ lại; ngoài ra, xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án cho đến nay đã lâu nhưng ông S vẫn không có động thái nào để vợ

chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà K được ly hôn với ông S là phù hợp.

[3] *Về con chung*: có 04 con chung là Bùi Hoàng A(nam) sinh ngày 02/10/1981; Bùi Thái N (nam) sinh 18/10/1983; Bùi Thị N1 (nữ) sinh ngày 26/02/1986 và Bùi Thị Tuyết Sương (nữ) sinh ngày 20/10/1991. Các con đã trưởng thành nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ*:

Do ông Bùi Văn S vắng mặt và hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân gia đình; tuy nhiên, do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Bùi Văn S.

2. **Về con chung**:

Có 04 con chung là Bùi Hoàng A(nam) sinh ngày 02/10/1981; Bùi Thái N (nam) sinh 18/10/1983; Bùi Thị N1 (nữ) sinh ngày 26/02/1986 và Bùi Thị Tuyết Sương (nữ) sinh ngày 20/10/1991. Các con đã trưởng thành nên không giải quyết.

3. **Về tài sản chung và nợ**: Chưa giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với bị đơn; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THADS Q. C.
- UBND P. Thờng Thạnh, Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang